TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/3/2020.
"V/v: Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 05/10/1990.

Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh ngày 11/10/1988.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Hồng Kông.

Các đương sự đều vắng mặt, chị M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 07/10/2011 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, vay nợ nhiều nơi

thường xuyên phải cầm cố đồ đạc. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Năm 2014, anh H đi Macao - Hồng Kông, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến năm 2016 anh H về Việt Nam khoảng 02 tháng rồi đi Hồng Kông theo đường vượt biên. Từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm tới nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Trúc Mai L sinh ngày 04/5/2012, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh H. Chị không tranh chấp về con chung với anh H nhưng hiện tại anh H đang ở Hồng Kông, không trực tiếp nuôi con được, nên chị M đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị M trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh H tại Hồng Kông nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Đào Văn Là và bà Đào Thị T ở thôn 4, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ anh H và xác minh tại chính quyền địa phương.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Đào Thị T trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Đào Văn H, chị Nguyễn Thị M là vợ anh H và là con dâu bà. Hiện nay anh H đang sống lưu vong ở Hồng Kông, đi bằng đường tiểu ngạch. Bà biết việc chị M và anh H ly hôn do anh H thường xuyên liên lạc với bà. Về việc ly hôn thì quan điểm của anh H đồng ý ly hôn với chị M do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn và anh H cũng không biết bao giờ về Việt Nam. Về con chung: anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bà đã hỏi địa chỉ cụ thể của anh H ở Hồng Kông nhưng anh H không cung cấp. Đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản thông qua bà và bà đồng ý nhận thay để thông báo cho anh H. Do điều kiện không thể về Việt Nam nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ngoài ra anh H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, chị M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 476 BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Theo kết quả xác minh của Cục quản lý xuất nhập cảnh: Anh H xuất cảnh ngày 14/7/2014 qua cửa khẩu Hữu Nghị và nhập cảnh ngày 01/01/2016 qua cửa khẩu Nội Bài. Theo chị M và bà T cung cấp thì anh H đi lao động ở Hồng Kông theo đường không chính ngạch, anh H thường xuyên gọi điện thoại từ Hồng Kông về Việt Nam cho bà T. Tòa án đã nhiền lần yêu cầu bà T cung cấp địa chỉ của anh H, nhưng bà chỉ biết hiện anh H ở Hồng Kông, địa chỉ cụ thể bà không biết. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh H. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh H đi lao động ở nước ngoài được Công an xã T, huyện G xác nhận do nắm bắt tình hình an ninh, nhân khẩu trên địa bàn. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. VKSND tỉnh Hải Dương đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 2 Điều 476 BLTTDS năm 2015 là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2011 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều. Từ năm 2014 anh H đi lao động nước ngoài, năm 2016 có về Việt Nam 01 lần nhưng lại đi tiếp. Chị M về nhà mẹ đẻ từ năm 2014, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Trúc Mai L, sinh ngày 04/5/2012. Chị M và anh H đều đề nghị được nuôi con chung, con chung

có nguyện vọng được ở với anh H. Tuy nhiên, hiện anh H ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung và cũng không rõ khi nào về Việt Nam. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao con chung cho chị M là người đang ở Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị M nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị M có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đào Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Trúc Mai L, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Nguyễn Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Đào Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Đào Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng chị M đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0000745 ngày 24 tháng 12 năm 2019. Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Đào Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Yến